

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 458/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 597/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 639/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H; nơi ĐKKHKT: Số 2/88 C, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 5/174 K, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hồng Q; nơi ĐKKHKT: Số 2/88 C, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 26/238 C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Q xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 27/12/2005 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố H. Đến nay, vợ chồng đã có 02 con chung.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau đồng thời anh Q thường xuyên rượu chè, không chịu làm ăn, quan tâm đến gia đình và chị nghi ngờ anh Q có quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bản thân chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Thực tế đến nay, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Q không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 02/10/200X và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 15/3/200Y. Ly hôn, chị xin nhận nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi con thành niên và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Hồng Q vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại bản tự khai anh Q trình bày:

Anh và chị Bùi Thị H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau. Đến nay, vợ chồng có 02 con chung.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau đồng thời anh có sai là thỉnh thoảng có uống rượu và có những lời nói và Hành động không đúng dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã. Bản thân anh đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Khoảng 4 tháng nay, chị H đã bỏ đi nơi khác ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 02/10/200X và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 15/3/200Y. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh chưa có ý kiến nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, tHnh phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Phạm Hồng Q.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 02/10/200X và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 15/3/200Y cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Hồng Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, đơn xin xác nhận ngày 07/8/2019 và biên bản làm việc ngày 15/10/2019 thể hiện anh Q hiện tạm trú tại số 26/238 C, phường D, quận L, thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Phạm Hồng Q tuân thủ đúng quy định tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác nhận cuộc sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Lời khai của các đương sự phù hợp với thực tế qua xác minh tại chính quyền địa phương về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống cũng như tình trạng hiện tại của vợ chồng cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng việc yêu cầu được ly hôn của chị H và yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng được đoàn tụ của anh Q đều cần xem xét, tuy nhiên cũng xét vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm hạnh phúc và tình cảm đó phải được xuất phát từ cả hai bên. Nay chị H xin ly hôn anh Q vì chị cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng chưa tìm được biện pháp thích hợp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa 02 lần nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ chứng tỏ anh Q chưa thực sự tha thiết níu kéo hôn nhân với chị H. Nay xét mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy việc xin ly hôn của chị H với anh Q là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát và phù hợp với tình trạng thực tế của vợ chồng, phù hợp với quy định các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Hai bên có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 02/10/200X và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 15/3/200Y. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q do không đồng ý ly hôn nên chưa có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử nhận định hiện nay các cháu Phạm Quang T và Phạm Quỳnh A có nguyện vọng trong trường hợp bố mẹ ly hôn thì muốn ở với mẹ; chị H có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện cũng như khả năng nuôi dưỡng con chung. Vì vậy giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Phạm Hồng Q.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 02/10/200X và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 15/3/200Y cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị H đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013480 ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Hồng Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố H.
(ĐKHK ngày 27/12/2005);
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Nam Ninh